**40 câu hỏi đáp về các quy định pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích, trách nhiệm, nghĩa vụ, các hành vi cấm, xử lý vi phạm thanh thiếu niên trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.**

**A- Lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình**

 **1. Sắp tới, trường cháu có tổ chức một buổi sinh hoạt ngoại khóa về chủ đề bình đẳng giới. Đây là lần đầu tiên cháu được nghe về nội dung này nên cháu không hiểu “Giới”, “Bình đẳng giới”, “Định kiến giới”, “Phân biệt đối xử về giới” được hiểu như thế nào?**

Nội dung cháu hỏi, được quy định cụ thể tại Khoản 1, 2, 3 điều 5 Luật bình đẳng giới đã được Quốc hội khoá XI nước Cộng hoà hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kì họp thứ X ngày 29 tháng 11 năm 2006 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2007 như sau:

1. *Giới* chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội (khác với từ *Giới tính* chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ).

2. *Bình đẳng giới* là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

3. *Định kiến giới* là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.

4. *Phân biệt đối xử về giới* là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

**2. Các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới được pháp luật quy định như thế nào?**

Với mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, Luật bình đẳng giới quy định các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới tại Điều 6 như sau:

1. Nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

2. Nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới.

3. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới.

4. Chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới.

5. Bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật.

6. Thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân.

**3.** **Nhà nước có những chính sách gì về bình đẳng giới?**

Theo Điều 7 Luật Bình đẳng giới, Nhà nước có những chính sách sau về bình đẳng giới:

Thứ nhất, bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển.

Thứ hai, bảo vệ, hỗ trợ người mẹ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ; tạo điều kiện để nam, nữ chia sẻ công việc gia đình.

Thứ ba, áp dụng những biện pháp thích hợp để xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu cản trở thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

Thứ tư, khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới.

Thứ năm, hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ những điều kiện cần thiết để nâng chỉ số phát triển giới đối với các ngành, lĩnh vực và địa phương mà chỉ số phát triển giới thấp hơn mức trung bình của cả nước.

**4. Có những biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới nào? có những nội dung gì?**

Theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Luật bình đẳng giới thì: Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi mục đích bình đẳng giới đã đạt được.

Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới.

Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới bao gồm (Điều 19):

a) Quy định tỷ lệ nam, nữ hoặc bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng tham gia, thụ hưởng;

b) Đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ năng lực cho nữ hoặc nam;

c) Hỗ trợ để tạo điều kiện, cơ hội cho nữ hoặc nam;

d) Quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù cho nữ hoặc nam;

đ) Quy định nữ được quyền lựa chọn trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam;

e) Quy định việc ưu tiên nữ trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam;

Ngoài ra, Luật cũng quy định cụ thể một số biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực cụ thể như sau:

***- Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm (khoản 5 Điều 11)***

+ Bảo đảm tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia vềbình đẳng giới;

+ Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia vềbình đẳng giới.

***- Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế bao gồm (khoản 2 Điều 12):***

+ Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật;

+ Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật.

***- Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động bao gồm (khoản 3 Điều 13):***

+ Quy định tỷ lệ nam, nữ được tuyển dụng lao động;

+ Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ;

+ Người sử dụng lao động tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ làm việc trong một số ngành, nghề nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

***- Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bao gồm (khoản 5 Điều 14):***

+ Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo;

+ Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật.

**5. Anh Kiên là con trai duy nhất của ông bà Phương. Vợ chồng anh Kiên đã có một cô con gái. Khi chị Ngân (vợ anh Kiên) mang thai cháu thứ 2 được 2,5 tháng, bà Phương đi xem bói thì ông thầy bói khẳng định lần này chị cũng sinh con gái. Vì mê tín, lại muốn có cháu trai để nối dõi tông đường nên ông bà Phương bắt chị Ngân phá thai, nếu không sẽ đuổi chị ra khỏi nhà. Hành vi trên của ông bà Phương có vi phạm pháp luật về bình đẳng giới không? Nếu vi phạm thì vi phạm vào điều nào của Luật bình đẳng giới?**

 Ông bà Phương đã có hành vi ép buộc người khác phá thai vì giới tính thai nhi. Hành vi này đã vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế. Khoản 7, Điều 40 của Luật bình đẳng giới quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế bao gồm:

 a. Cản trở, xúi giục hoặc ép buộc người khác không tham gia vào các hoạt động giáo dục sức khỏe vì đinh kiến giới;

 b. Lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức hoặc xúi giục, ép buộc người khác phá thai vì giới tính của thai nhi.

 Hành vi của ông bà Phương không chỉ vi phạm pháp luật về bình đẳng giới mà còn là hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa - thông tin vì mê tín dị đoan. Dưới khía cạnh đạo đức, đây là hành vi thiếu lương tâm, bị xã hội lên án. Trong trường hợp này, chị Ngân nên nhờ họ hàng hoặc chính quyền, đoàn thể nơi sinh sống can thiệp, thuyết phục, khuyên giải để bố mẹ chồng hiểu và chấm dứt hành vi ép buộc nói trên.

 Khoản 3, Điều 12 Nghị định 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới quy định:

*3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*

*a) Dùng vũ lực cản trở người khác tham gia các hoạt động giáo dục sức khỏe vì định kiến giới;*

*b) Xúi giục người khác phá thai vì giới tính của thai nhi*

 Như vậy, đối chiếu với các quy định trên, tùy tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, ông bà Phương sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính từ 3.000.000đ - 5.000.000đ.

 **6. Vợ chồng anh Hạnh được bố mẹ cho một miếng đất ở quê. Do cần tiền để kinh doanh, anh Hạnh quyết định bán gấp miếng đất trên với giá 600 triệu đồng, vợ anh không đồng ý vì giá quá rẻ, bàn với anh bán giá cao hơn nhưng anh không cho phép vợ có ý kiến, vì cho rằng đây là việc lớn, anh là đàn ông trụ cột gia đình nên có thể tự quyết định, còn vợ là phụ nữ nên không được can thiệp vào. Hành vi của anh Hạnh như vậy có đúng không? Nếu vi phạm thì bị xử lý như thế nào?**

Theo Khoản 2, Điều 18 của Luật Bình đẳng giới: “Bình đẳng giới trong gia đình là vợ chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình”. Nguyên tắc vợ chồng bình đẳng là một trong những nguyên tắc cơ bản của [Luật hôn nhân và gia đình](https://luatduonggia.vn/luat-hon-nhan-va-gia-dinh-so-52-2014-qh13-ngay-19-thang-6-nam-2014) trên cơ sở nguyên tắc nam nữ bình đẳng mà [Hiến pháp](https://luatduonggia.vn/hien-phap-nuoc-cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam) đã quy định. Theo Điều 19 [Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014](https://luatduonggia.vn/luat-hon-nhan-va-gia-dinh-so-52-2014-qh13-ngay-19-thang-6-nam-2014): “Vợ chồng bình đẳng với nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình”. Quy định này ghi nhận việc tạo lập và sự đóng góp công sức của mỗi bên trong các hoạt động làm nên khối tài sản chung của vợ chồng. Quy định này vừa để cho vợ chồng đều có trách nhiệm chăm lo sản xuất, tạo thu nhập phát triển đời sống gia đình và đề cao mối quan hệ tình cảm gắn bó giữa vợ và chống. Điều này cũng là nhằm tôn trọng công sức đóng góp của nhau trong quá trình xây dựng kinh tế gia đình.

Điểm a khoản 2 Điều 13 của Nghị định 55/2009/NĐ-CP quy định xử phạt từ 500.000 đồng – 1.000.000 đồng đối với hành vi: “Không cho thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính”

Đối chiếu với những quy định trên, thì anh Hạnh không cho vợ tham gia định đoạt việc bán đất là sai và tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà anh Hạnh có thể bị xử phạt từ 500.000 đồng – 1.000.000 đồng.

 **7. Trong quá trình góp ý bản hương ước của thôn đang gửi lấy ý kiến mọi người, vợ chồng tôi thống nhất quy định về nêu gương người tốt, việc tốt, ghi nhận công lao, thành tích của tập thể, cá nhân; bình xét, công nhận gia đình văn hóa…. nhưng tôi phản đối quy định về phạt tiền vì trái quy định của pháp luật. Nghe vậy, chồng tôi quát mắng tôi, cho rằng tôi là đàn bà suy nghĩ nông cạn nên cấm tôi không được nêu ý kiến đối với bản dự thảo hương ước trong cuộc họp tới. Việc làm của chồng tôi có đúng không?**

Điều 11 của Luật Bình đẳng giới quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị như sau:

*1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.*

*2. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.*

*...*

Bên cạnh đó, xét về bản chất thì hương ước, quy ước là văn bản quy phạm xã hội, trong đó quy định các nguyên tắc xử sự do cộng đồng dân cư cùng thỏa thuận và đặt ra để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội mang tính chất tự quản của nhân dân, mang tính chất giáo dục, thuyết phục, vận động thực hiện. Mục đích cuối cùng của hương ước, quy ước là cùng với pháp luật để giúp duy trì an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội, phát triển sản xuất, khuyến khích học hành, giải quyết các tranh chấp, vi phạm nhỏ trong nhân dân, xóa đói, giảm nghèo, góp phần duy trì và phát huy thuần phong mỹ tục, đề cao các chuẩn mực đạo lý và đạo đức truyền thống dân tộc. Theo Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007; Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Thông tư số 03/2000/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBTƯMTTQVN ngày 31/3/2000 về hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư thì hương ước phải được xây dựng một cách thực sự dân chủ, công khai, phù hợp với các quy định của pháp luật và phải lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân vào dự thảo hương ước.

Như vậy, việc ngăn cấm, không cho chị tham gia ý kiến vào quá trình xây dựng bản hương ước của thôn của chồng chị là sai.

**8. Vợ chồng anh Huy có cậu con trai 15 tuổi và cô con gái 18 tuổi vừa đỗ vào một trường đại học ở trên thành phố. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và quan niệm rằng con gái không cần học nhiều, sau này cũng đi lấy chồng nên anh Huy quyết định cho con gái nghỉ học đi làm thuê. Dù vợ anh và con gái tha thiết xin đi học nhưng anh kiên quyết không nghe và cấm con gái không được đi nhập học. Hành vi của anh Huy có vi phạm pháp luật bình đẳng giới không? Nếu có thì bị xử phạt như thế nào?**

 Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định của pháp luật thì con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển. Anh Huy có hành vi đối xử không công bằng giữa con trai và con gái, hành vi này vi phạm Điều 41 Luật bình đẳng giới, cụ thể là:

 1. Cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.

 2. Không cho phép hoặc cản trở thành viên trong gia đình tham gia ý kiến vào việc sử dụng tài sản chung của gia đình, thực hiện các hoạt động tạo thu nhâp hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì định kiên giới.

 3. Đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính.

 *4. Hạn chế việc đi học hoặc ép buộc thành viên trong gia đình bỏ học vì lý do giới tính.*

 5. Áp đặt việc thực hiện lạo động gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên thuộc một giới nhất định.

Do đó, tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà anh Huy sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vận động, ép buộc người khác nghỉ học vì lý do giới tính theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 55/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 06 năm 2009 của Chính phủ.

**9. Tôi được biết nhà nước ta có chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số nhưng không biết cụ thể về đối tượng cũng như mức hỗ trợ là như thế nào? Nội dung này được quy định ở văn bản nào?**

Nội dung bạn hỏi được quy định tại Khoản 3 Điều 17 Luật bình đẳng giới và được cụ thể hóa bởi Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định c**hính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số, theo đó:**

***Về đối tượng được hỗ trợ***

Phụ nữ là người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn (trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc) khi sinh con thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Sinh một hoặc hai con;

- Sinh con thứ ba, nếu cả hai vợ chồng hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân (tỷ lệ sinh nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ chết) theo công bố chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Sinh lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên;

- Đã có một con đẻ, nhưng sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên;

- Sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi;

- Sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền, đã được Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương xác nhận;

- Sinh một con hoặc hai con, nếu một trong hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ);

- Sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh, nếu cả hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ); không áp dụng cho trường hợp hai vợ chồng đã từng có hai con chung trở lên và các con hiện đang còn sống;

- Phụ nữ thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số chưa kết hôn, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.

 ***Về định mức hỗ trợ, thời điểm hỗ trợ và phương thức hỗ trợ***

- Định mức hỗ trợ: Hai triệu đồng/người.

- Thời điểm hỗ trợ: Tính từ tháng đầu sau khi sinh con thuộc đối tượng được hỗ trợ.

- Phương thức hỗ trợ: Bằng tiền, cấp trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng. Đối tượng thụ hưởng tự nguyện cam kết bằng văn bản không sinh thêm con, nếu vi phạm phải hoàn trả lại kinh phí đã nhận hỗ trợ.

Ngoài ra, ngày 15/4/2016, Liên bộ Y tế - Tài chính - Lao động, Thương bình và Xã hội đã ban hành Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH hướng dẫn việc thực hiện Nghị định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi kinh phí hỗ trợ; nguồn kinh phí; lập dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách Nhà nước; chế độ báo cáo; trách nhiệm của các cơ quan thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người DTTS khi sinh con đúng chính sách dân số.

**10. Gia đình chị Lan có 4 người gồm vợ chồng chị và 02 con nhỏ. Hàng ngày, sau khi đi làm về chị Lan phải làm hết các công việc nhà như: đưa đón con đi học, đi chợ, nấu cơm, giặt giũ, lau dọn nhà cửa, chăm sóc con cái… còn anh Hưng – chồng chị thì chỉ ngồi đọc báo, chơi game. Chị có đề nghị anh chia sẻ việc nhà cùng nhưng anh cho rằng việc quán xuyến gia đình là việc của phụ nữ, nam giới chỉ giải quyết những công việc lớn nên đã không làm. Anh Hưng có suy nghĩ như vậy đúng hay sai? Chị Lan nên làm gì để đề nghị anh Hưng cùng chia sẻ việc nhà?**

Theo Khoản 5 Điều 18 Luật bình đẳng giới năm 2006: “Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình”. Như vậy, suy nghĩ của anh Hưng là sai. Ðể một gia đình hạnh phúc bền vững thì sự sung túc về vật chất phải song hành với sự phát triển lành mạnh về tinh thần. Khi ấy, mọi thành viên đều cần có ý thức chung vai gánh vác, cùng nhau gây dựng và vun đắp cho tổ ấm của mình.

Có nhiều cách để chồng cùng chia sẻ việc nhà với vợ, tùy vào sự hiểu biết và khéo léo, chị Lan có thể chọn những lúc thích hợp giải thích cho người chồng thấy được sự cần thiết của cả vợ và chồng trong việc vun vén hạnh phúc và lo cho cuộc sống của gia đình; thường xuyên tâm sự và cung cấp thông tin, tư liệu về bình đẳng giới để cùng chồng thảo luận, trao đổi dần dần làm thay đổi cách nghĩ và hành động của người chồng; hoặc thường xuyên dùng lời lẽ nhỏ nhẹ, vận động chồng cùng tham gia công việc nhà như nấu cơm, chăm sóc con... Nếu lúc đầu người chồng làm có phần vụng về cũng không nên phản ứng mà nên khuyến khích, động viên và hướng dẫn chồng thực hiện công việc; dần dần người chồng sẽ thấy hạnh phúc với công việc nhà và xem đó là trách nhiệm chung của cả vợ lẫn chồng.

**11. Công ty TNHH TT đang tuyển trưởng phòng hành chính nhân sự. Trong số các hồ sơ ứng cử, có 01 hồ sơ của chị A và 01 hồ sơ của anh B đều đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đưa ra của công ty về độ tuổi, trình độ năng lực; trong đó nếu xét về kinh nghiệm chị A hơn hẳn anh B 03 năm. Buổi họp xét của công ty, Giám đốc công ty TNHH TT quyết định nhận anh B làm trưởng phòng hành chính nhân sự vì cho rằng anh B là nam giới nên có sức khỏe tốt hơn và không phải vướng bận công việc gia đình, con cái. Giám đốc công ty TNHH TT quyết định như vậy có vi phạm Luật bình đẳng giới không? Nếu có thì vi phạm quy định nào và bị xử lý như thế nào?**

Theo Khoản 1 Điều 13 [Luật bình đẳng giới 2006](https://luatduonggia.vn/luat-binh-dang-gioi-so-73-2006-qh11-ngay-29-thang-6-nam-2006): Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

- Về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng: Về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng người lao động theo [Bộ luật lao động 2012](https://luatduonggia.vn/bo-luat-lao-dong-nam-2012) quy định việc tuyển dụng nam, nữ trong các nghề là bình đẳng. Tuy nhiên, trong hầu hết các nghề mà pháp luật không cấm, trên thực tế vẫn thấy rằng nữ lao động vẫn không được tuyển dụng nhiều hơn nam.

- Về tiền lương và thu nhập: do tiền lương và tiền công phụ thuộc vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế nên vấn đề này đã bảo đảm được tính công bằng không có sự phân biệt đối xử về giới. Tuy nhiên, trung bình tiền lương chính của lao động nữ vẫn thấp hơn so với lao động nam do nữ giới có trình độ trung bình thấp hơn so với nam giới nên phải làm những công việc có lương thấp hơn so với nam.

- Về chính sách bảo hiểm xã hội và các điều kiện lao động khác: pháp luật không có sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ, nhưng vẫn còn sự bất bình đẳng trên thực tế. Tuổi nghỉ hưu thực tế bình quân giữa nam và nữ đều thấp hơn tuổi quy định và có sự chênh lệch khá xa giữa nam và nữ. Tuổi nghỉ hưu bình quân của nam là 54,8 tuổi (so với 60 tuổi) và nữ là 49,2 tuổi (so với 55 tuổi), do vậy, lao động nữ sẽ ra khỏi cuộc đời lao động sớm hơn nam .

Như vậy, căn cứ các quy định trên cho thấy, mọi tổ chức, cá nhân sử dụng lao động đều phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam, nữ trong tuyển dụng và sử dụng lao động. Nhà nước bảo đảm quyền làm việc của phụ nữ bình đẳng về mọi mặt với nam giới.

Giám đốc công ty TNHH TT đã vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 40 [Luật bình đẳng giới 2006](https://luatduonggia.vn/luat-binh-dang-gioi-so-73-2006-qh11-ngay-29-thang-6-nam-2006), đó là : Từ chối tuyển dụng hoặc tuyển dụng hạn chế lao động, sa thải hoặc cho thôi việc người lao động vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ. Với hành vi này, tùy tính chất, mức độ Giám đốc công ty TNHH TT có thể bị xử phạt từ 5.000.000 đồng - 10.000.000 đồng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 8 Nghị định 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Chính phủ.

**12. Chị X ký hợp đồng lao động 1 năm với công ty Y, có hiệu lực từ ngày 25/5/2017 đến hết ngày 25/5/2018. Tuy nhiên, ngày 20/12/2017 công ty có quyết định sa thải và yêu cầu chị nghỉ vào ngày 01/01/2018 vì lí do chị đang mang thai không đảm bảo sức khỏe để làm việc. Lúc này chị X đang mang thai tháng thứ 6. Hỏi công ty Y sa thải chị X có đúng quy định của pháp luật không? Nếu sai, công ty X sẽ bị xử lý như thế nào?**

Việc công ty Y sa thải chị X vì lý do chị mang thai là vi phạm pháp luật về bình đẳng giới (điểm b khoản 3 Luật bình đẳng giới) và pháp luật lao động. Theo Bộ luật Lao động 2012 (Khoản 3 Điều 155), người sử dụng lao động không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ vì lý do kết hôn, mang thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp người lao động là cá nhân chết, bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết hoặc người sử dụng lao động không phải là cá nhân chấm dứt hợp đồng lao động.

Như vậy, tùy tính chất, mức độ vi phạm, Công ty Y có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc chịu trách nhiệm hình sự, cụ thể như sau : phạt tiền từ 5.000.000 - 10.000.000 đồng đối với hành vi ... ‘’sa thải hoặc cho thôi việc người lao động vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 8 Nghị định 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Chính phủ.

Kể từ đầu năm 2018, người sử dụng lao động nếu vi phạm quy định này sẽ bị phạt nặng theo quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều 162 tại Bộ luật này nêu rõ, người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà sa thải trái pháp luật với người lao động gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 200 đồng hoặc phạt tù từ 1 năm đến 3 năm: Đối với 2 người trở lên; Đối với phụ nữ mà biết là có thai; Đối với người đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; Làm người bị buộc thôi việc, người bị sa thải tự sát; Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác.

 **13. Cơ quan A đang có kế hoạch cử cán bộ tham gia một khóa học đào tạo về khoa học kỹ thuật mới 03 tháng tại Đức. Hai ứng cử sáng giá nhất là chị Hương và anh Nam hiện đang giữ chức vụ trưởng phòng. Giám đốc cơ quan A quyết định chọn anh Nam vì lý do chị Hương là nữ đang nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi. Giám đốc cơ quan A quyết định như vậy có đúng không? Nếu vi phạm thì vi phạm quy định nào và bị xử phạt ra** **sao?**

Theo Khoản 2, Điều 15 của Luật Bình đẳng giới năm 2006, nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận các khóa đào tạo về khoa học và công nghệ, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát minh, sáng chế”.

Theo đó, việc *“Từ chối việc tham gia của một giới trong các khóa đào tạo về khoa học và công nghệ vì định kiến giới”* của giám đốc cơ quan A là vi phạm quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ được quy định tại điểm b, Khoản 5, Điều 40 Luật Bình đẳng giới. Tùy tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà giám đốc cơ quan A sẽ bị xử phạt từ 20.000.000đ đến 40.000.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 10 Nghị định 55/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

**14. Anh Hanh là bác sĩ nha khoa, chị Nhàn (vợ anh) hiện đang ở nhà nội trợ. Được một người bạn rủ góp vốn mở cửa hàng bán quần áo, thấy đây là cơ hội để phát triển bản thân nên chị Nhàn đã bàn bạc với chồng cho chị góp vốn kinh doanh với bạn. Chưa nghe vợ nói hết câu, anh Hanh đã nổi khùng lên và chửi bới cho rằng chị là phụ nữ chỉ hợp với nội trợ và không cho chị mở cửa hàng. Anh Hanh xử sự như vậy có đúng không? Vì sao? Nếu vi phạm thì vi phạm quy định nào và bị xử phạt ra sao?**

Theo Khoản 1, Điều 12 của Luật Bình đẳng giới, nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động”.

 Trong tình huống này, anh Hanh đã cản trợ chị Nhàn (vợ anh) tiến hành hoạt động kinh doanh vì định kiến giới là vi phạm quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 40 của Luật Bình đẳng giới.

 Và với hành vi ‘’xúc phạm danh dự, nhân phẩm nam hoặc nữ thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động kinh doanh vì định kiến giới’’ thì tùy tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, anh Hanh có thể bị cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng - 500.000 đồng theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Nghị định 55/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

 **15. Chị N 42 tuổi công việc chính là ở nhà nội trợ. 02 tháng gần đây chị có tham gia CLB những người yêu thơ của huyện nhưng chưa nói cho chồng biết. Sau khi biết vợ mình có tham gia hoạt động nói trên anh K thường xuyên xúc phạm, chửi bới và không cho chị ra ngoài vì cho rằng đàn bà chỉ nên ở nhà chăm lo cho chồng con, không được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Hành vi trên của anh K đúng hay sai? Vì sao? Nếu vi phạm thì vi phạm quy định nào và mức xử phạt ra sao?**

Theo Khoản 1, Điều 16 của Luật Bình đẳng giới, nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao.

Hành vi trên của anh K là vi phạm quy định tại điểm a, Khoản 6, Điều 40 của Luật Bình đẳng giới, đó là: “Cản trở nam, nữ sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn và tham gia các hoạt động văn hóa khác vì định kiến giới”.

Tùy theo tính chất, mức độ hành vi vi phạm, anh K có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 1 của Điều 11 Nghị Định 55/2009/NĐ - CP ngày 10/06/2009:

*“Xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhằm cản trở nam hoặc nữ sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn hoặc các hoạt động văn hóa khác, tham gia hoạt động thể dục, thể thao vì định kiến giới”.*

 **16. Chị A là giảng viên một trường đại học. Chị vừa hoàn thành khóa học cao học và đang tham gia nghiên cứu một đề tài khoa học cấp nhà nước. Mặc dù bận rộn chị vẫn thu xếp việc nhà chu đáo nhưng anh C chồng chị cương quyết phản đối việc tham gia nghiên cứu khoa học của chị vì sợ chị sẽ có trình độ cao hơn mình. Anh dọa sẽ đập phá đồ đạc trong nhà nếu chị A không từ bỏ việc này. Hành vi trên của anh C có vi phạm pháp luật về bình đẳng giới không? Vì sao?**

Việc cản trở vợ mình tham gia nghiên cứu khoa học của anh C là vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Theo quy định tại khoản 5, Điều 40 của Luật bình đẳng giới, các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ gồm:

 a. Cản trở nam, nữ tham gia hoạt động khoa học, công nghệ;

 b. Từ chối việc tham gia của một giới trong các khóa đào tạo về khoa học và công nghệ.

 Trong trường hợp này anh C đã không khuyến khích vợ, lại có thái độ không đúng khi vợ tham gia nghiên cứu khoa học để phục vụ cho công việc của mình mặc dù chị A vợ anh vẫn thu xếp việc nhà chu đáo. Hành vi của anh C đã vi phạm pháp luật, có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

**17. Tôi là chuyên viên Vụ TCCB của Bộ. Tuần trước, tôi được giao xây dựng báo cáo công tác bình đẳng giới của cơ quan gửi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Đề nghị cho biết, các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm gì đối với công tác bình đẳng giới?**

**Trả lời**: Điều 27 Luật bình đẳng giới quy định, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm:

1. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực mà mình quản lý;

 2. Nghiên cứu, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới;

3. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới đánh giá thực trạng bình đẳng giới trong lĩnh vực mà mình quản lý; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bình đẳng giới.

Ngoài ra, cácbộ, cơ quan ngang bộ còn phải thực hiện quy định tại Điều 31 về trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện BĐG tại cơ quan, tổ chức mình, cụ thể là:

*Trong công tác tổ chức, cán bộ, cơ quan có trách nhiệm:*

a) Bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nam, nữ bình đẳng trong việc làm, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm và hưởng phúc lợi;

b) Bảo đảm việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên nguyên tắc bình đẳng giới.

*Trong hoạt động, cơ quan nhà nước có trách nhiệm*:

a) Xác định thực trạng bình đẳng giới, xây dựng và bảo đảm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong cơ quan, tổ chức mình và có báo cáo hằng năm;

b) Bảo đảm sự tham gia của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nam, nữ trong xây dựng, thực thi pháp luật, chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Giáo dục về giới và pháp luật về bình đẳng giới cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do mình quản lý;

d) Có biện pháp khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện bình đẳng giới trong cơ quan, tổ chức và gia đình;

đ) Tạo điều kiện phát triển các cơ sở phúc lợi xã hội, các dịch vụ hỗ trợ nhằm giảm nhẹ gánh nặng lao động gia đình.

 **18. Tôi được biết Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam nhưng chưa rõ trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam trong việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới là gì và được quy định ở văn bản nào?**

**Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam** là tổ chứcchính trị - xã hội trong hệ thống chính trị, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam; phấn đấu vì sự phát triển của phụ nữ và bình đẳng giới.

Theo đó, trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong công tác bình đẳng giới được quy định cụ thể tại Điều 29, 30 Luật bình đẳng giới như sau:

- Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và tham gia quản lý nhà nước về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật.

-  Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức.

- Tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên thực hiện bình đẳng giới.

-  Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

- Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan bồi dưỡng, giới thiệu phụ nữ đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; phụ nữ đủ tiêu chuẩn tham gia quản lý, lãnh đạo các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

**19. Gia đình có trách nhiệm gì trong việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới?**

Gia đình là nơi định hình các quan hệ giới, truyền tải những chuẩn mực về giới và quyết định những cơ hội cho các thành viên gia đình. Gia đình là nơi đưa ra các quyết định cơ bản như: Số con, việc nuôi dạy con, phân bố thời gian và nguồn lực sản xuất, tiêu dùng và đầu tư cho tương lai… Thực tế cho thấy, gia đình có thể làm trầm trọng hơn định kiến giới hoặc có thể làm dịu đi sự phân biệt giới. Có thể nói, gia đình đóng vai trò quan trọng trong nhận thức và thực hiện bình đẳng giới. Chính vì vậy, Điều 33 Luật bình đẳng giới quy định trách nhiệm của gia đình trong việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới như sau:

- Tạo điều kiện cho các thành viên trong gia đình nâng cao nhận thức, hiểu biết và tham gia các hoạt động về bình đẳng giới.

- Giáo dục các thành viên có trách nhiệm chia sẻ và phân công hợp lý công việc gia đình.

- Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và tạo điều kiện cho phụ nữ thực hiện làm mẹ an toàn.

- Đối xử công bằng, tạo cơ hội như nhau giữa con trai, con gái trong học tập, lao động và tham gia các hoạt động khác.

**20. Thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới không chỉ là trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cơ quan nhà nước mà còn là trách nhiệm chung của xã hội, của người dân. Vậy đề nghị cho biết công dân** **có trách nhiệm gì trong việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới?**

Điều 34 Luật bình đẳng giới quy định trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới như sau:

- Học tập nâng cao hiểu biết, nhận thức về giới và bình đẳng giới;

- Thực hiện và hướng dẫn người khác thực hiện các hành vi đúng mực về bình đẳng giới;

- Phê phán, ngăn chặn các hành vi phân biệt đối xử về giới;

- Giám sát việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới của cộng đồng, của cơ quan, tổ chức và công dân.

**21. Đề nghị cho biết việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được quy định như thế nào?**

Luật Bình đẳng giới đã quy định bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật là một trong sáu nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới. Nguyên tắc này cũng đã được cụ thể hóa ở Điều 21 Luật bình đẳng giới như sau:

1. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bao gồm:

a) Xác định vấn đề giới và các biện pháp giải quyết trong lĩnh vực mà văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh;

b) Dự báo tác động của các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khi được ban hành đối với nữ và nam;

c) Xác định trách nhiệm và nguồn lực để giải quyết các vấn đề giới trong phạm vi văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, chuẩn bị báo cáo việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này và phụ lục thông tin, số liệu về giới có liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

3. Cơ quan thẩm định văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung đánh giá bao gồm:

a) Xác định vấn đề giới trong dự án, dự thảo;

b) Việc bảo đảm các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới trong dự án, dự thảo;

c) Tính khả thi của việc giải quyết vấn đề giới được điều chỉnh trong dự án, dự thảo;

d) Việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng dự án, dự thảo theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Bên cạnh đó, có một số văn bản khác cũng quy định về nội dung này như: Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới; Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/06/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Đây là một biện pháp để thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, phù hợp với đặc thù của mỗi giới; tạo cơ hội phát triển như nhau cho nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình; bảo đảm bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ.

**22. Đề nghị cho biết việc phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật và kiến thức về giới và bình đẳng giới được quy định như thế nào?**

Thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới là biện pháp quan trọng nhằm nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới. Việc phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật và kiến thức về giới và bình đẳng giới giới được quy định tại Điều 11 Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bình đẳng giới như sau:

- Bộ lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn, tổ chức tuyên truyền, giáo dục Luật Bình đẳng giới và các văn bản pháp luật về bình đẳng giới; chủ trì, phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng chương trình, nội dung truyền thông, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tuyên truyền, giáo dục và cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành về bình đẳng giới.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu đưa nội dung về giới và bình đẳng giới vào các chương trình giáo dục trong nhà trường phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện đề án thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới qua các ấn phẩm, chương trình phát thanh, truyền hình và các hình thức khác; chỉ đạo, hướng dẫn Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và các cơ quan thông tin đại chúng khác thực hiện tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới.

- Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục kiến thức và chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cho đồng bào dân tộc ít người; vận động đồng bào dân tộc ít người phát huy các phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của dân tộc phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

- Các cơ quan thông tin tuyên truyền và các cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới, giới thiệu mô hình, điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong việc thực hiện bình đẳng giới, phê phán hành vi, cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

**23. Tôi đang làm chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn. Chồng tôi là nhân viên văn phòng đảng ủy xã. Trong quá trình chuẩn bị tổ chức Đại hội đại biểu Hội liên hiệp phụ nữ xã, tôi được mọi người tin tưởng giới thiệu ứng cử vào Ban chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ xã nhiệm kỳ tới. Khi biết tin, chồng tôi đã quát mắng, chửi tôi là đồ đàn bà hư hỏng, dám vượt mặt chồng, là vợ thì không được hơn chồng, nhà này chỉ có mình anh được làm cán bộ cấp xã và cấm tôi được tham gia bầu cử. Vậy xin hỏi, chồng tôi làm vậy có đúng không? Nếu sai thì bị xử phạt như thế nào?**

Điều 11 [Luật bình đẳng giới 2006](https://vbpl.netlaw.vn/luat-binh-dang-gioi-2006-nd15866/tab/noidung/) quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị như sau:

- Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.

- Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

- Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

Khoản 4 Điều 6 [Nghị định 55/2009/NĐ-CP](https://vbpl.netlaw.vn/nghi-dinh-55-2009-nd-cp-ve-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-ve-binh-dang-gioi-nd89617/tab/noidung/) quy định:

**’’...**4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Dùng vũ lực cản trở nam hoặc nữ tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp vì định kiến giới;

đ) Không cho nam hoặc nữ tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp vì định kiến giới;”

**Như vậy,** việc chồng chị quát mắng, cấm chị không được tham gia bầu cử trong đại hội đại biểu Hội liên hiệp phụ nữ xã là vi phạm pháp luật. Tùy tính chất, mức độ hành vi vi phạm chồng chị có thể bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng – 5.000.000 đồng.

**24. Chị D đã có 3 con, 2 lần phải phá thai nhưng đặt vòng thì bị rong kinh, uống thuốc tránh thai thì rối loạn kinh nguyệt, tăng cân, người mệt mỏi còn anh T chồng chị lại không chủ động dùng bao cao su nên chị muốn anh T đi triệt sản. Nghe chị nói vậy, anh T đã nhảy dựng lên, quát mắng chị thậm tệ. Anh cho rằng việc tránh thai là nghĩa vụ của phụ nữ, đàn ông mà đi triệt sản thì khác gì thái giám. Xin hỏi suy nghĩ của anh T có đúng không? Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của vợ chồng trong việc thực hiện chính sách dân số?**

 Không biết từ bao giờ xã hội mặc định rằng tránh thai là nghĩa vụ của nữ giới, mà ít ai biết rằng pháp luật luôn đề cập đến quyền bình đẳng trong nghĩa vụ này. Trong lịch sử xây dựng pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật luôn hướng tới hướng việc vợ chồng bình đẳng trong thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Sinh đẻ có kế hoạch là nghĩa vụ chung của cả hai vợ chồng trong việc thực hiện chính sách dân số của Nhà nước.

Điều 17 Luật Bình đẳng giới quy định *”2. Nam, nữ bình đẳng trong lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.”*

Luật Hôn nhânvà Gia đình năm 2014 tiếp tục ghi nhận và bảo vệ sự bình đẳng của người vợ trong việc thực hiện chính sách dân số và KHHGĐ tại những quy định mang tính nguyên tắc của Luật. Theo đó, khoản 4 Điều 2 quy định: “Giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình”. Quyền bình đẳng của người vợ đối với người chồng trong việc thực hiện chính sách dân số thể hiện ở việc: người vợ có thể cùng người chồng quyết định việc sinh con hay không, số lần sinh con, thời gian sinh con, có quyền được lựa chọn các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, không chỉ áp dụng biện pháp tránh thai đối với người vợ mà còn cả đối với người chồng, để đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người vợ.

Như vậy, anh T không có quyền yêu cầu buộc vợ phải sử dụng các biện pháp tránh thai mà người vợ không muốn hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người vợ.

Về mặt khoa học Thạc sĩ Nguyễn Hoài Bắc, Trung tâm nam học, Bệnh viện Việt Đức cho biết, thắt ống dẫn tinh là phương pháp đình sản nam an toàn và hiệu quả, không ảnh hưởng gì tới sức khỏe và quan hệ tình dục. Cho đến nay, thế giới đã có hơn 60 triệu người đình sản bằng cách cắt và thắt hai đầu ống dẫn tinh. Ở một số nước, có tới trên 30% trường hợp đình sản bằng phương pháp này. Hàng nghìn công trình nghiên cứu đã được công bố cho thấy, thắt ống dẫn tinh không ảnh hưởng gì tới sức khỏe. Thực tế hàng chục năm nay cũng đã chứng minh, cuộc sống vợ chồng của những người thắt ống dẫn tinh không có gì thay đổi, sức khỏe tốt, lao động và sinh hoạt tình dục vẫn bình thường. Như vậy, quan niệm sau khi triệt sản đàn ông sẽ biến thành thái giám như anh T lo ngại là hoàn toàn sai.

**25. Đề nghị cho biết, mục tiêu đến năm 2020 của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 là gì?**

Ngày 24/12/2010, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2351QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2011-2020.

Với quan điểm Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới là một bộ phận cấu thành quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là cơ sở nền tảng của chiến lược phát triển con người của Đảng và Nhà nước. Công tác bình đẳng giới là một trong những yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và toàn xã hội. Chương trình đã đặt ra các mục tiêu sau:

***Mục tiêu tổng quát:***

Đến năm 2020, về cơ bản, bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

***Các mục tiêu cụ thể:***

\* Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.

\* Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.

\* Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

\* Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

\* Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin.

\* Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.

\* Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

**B- Lĩnh vực hôn nhân và gia đình**

**1. Luật hôn hôn nhân và gia đình 2014 quy định những nguyên tắc cơ bản nào của chế độ hôn nhân và gia đình?**

**Trả lời:**

Theo **Điều 2 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình được quy định như sau:**

a. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

b. Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

c. Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con.

d. Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

đ. Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình.

**2. A vừa qua sinh nhật tuổi 17 mới được hai tuần. Do nhà đông anh em nên A nghỉ học ở nhà đi làm thêm phụ giúp ba mẹ. Nay bố mẹ A muốn gả em cho một gia đình khá giả trong xóm. A cho rằng mình vẫn còn trẻ nên vẫn chưa muốn lấy chồng nữa, tuy nhiên, bố mẹ A lại ép em phải kết hôn vì đã hứa hôn với gia đình họ. Vậy xin hỏi, việc bố mẹ A ép con gái phải lấy chồng có vi phạm pháp luật không? A đã đủ tuổi kết hôn chưa? Pháp luật quy định như thế nào về điều kiện kết hôn?**

**Trả lời:**

**Theo** Điều 8Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thìnam, nữ kết hôn phải tuân theocácđiều kiện sau đây:

a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;

c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự;

d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm:

- Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo;

- Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;

- Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;

- Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng

Ngoài ra, Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

**Do A mới 17 tuổi, nên em chưa đủ tuổi để kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Một trong những hành vi bị cấm trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình là cưỡng ép kết hôn, đồng thời một trong những điều kiện kết hôn là việc kết hôn do nam, nữ tự nguyện quyết định. Như vậy, việc bố, mẹ ép A kết hôn là vi phạm pháp luật.**

**3.** **Pháp luật quy định như thế nào về việc xử lý kết hôn trái pháp luật và hậu quả pháp lý của việc hủy hôn trái pháp luật?**

**Trả lời:**

Theo  khoản 1,2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc xử lý việc kết hôn trái pháp luật được quy định như sau:

- Xử lý việc kết hôn trái pháp luật được Tòa án thực hiện theo quy định tại Luật này và pháp luật về tố tụng dân sự.

- Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyết định của Tòa án về việc hủy kết hôn trái pháp luật hoặc công nhận quan hệ hôn nhân phải được gửi cho cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn để ghi vào sổ hộ tịch; hai bên kết hôn trái pháp luật; cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

**Cụ thể quy định này,** Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 quy định:

- Khi xem xét, giải quyết yêu cầu có liên quan đến việc hủy kết hôn trái pháp luật, Tòa án phải căn cứ vào yêu cầu của đương sự và điều kiện kết hôn, điều kiện công nhận quan hệ hôn nhân quy định tại Điều 8 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình để quyết định.

- Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau:

+ Nếu hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn.

+ Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Trường hợp hai bên cùng yêu cầu Tòa án cho ly hôn hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trường hợp này, quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con từ thời điểm kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến trước thời điểm đủ điều kiện kết hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Trường hợp hai bên đã đăng ký kết hôn nhưng tại thời điểm Tòa án giải quyết hai bên kết hôn vẫn không có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì thực hiện như sau:

+ Nếu có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật;

+ Nếu một hoặc cả hai bên yêu cầu ly hôn hoặc yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án bác yêu cầu của họ và quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật.

- Khi xử lý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, Tòa án phải căn cứ vào quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân để xác định việc kết hôn có trái pháp luật hay không. Trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu xử lý việc kết hôn trái pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự có hiệu lực tại thời điểm giải quyết.

Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

- Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì hai bên kết hôn phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

- Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn.

- Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định về giải quyết quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn (Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình).

**4. Tôi và vợ tôi đã lấy nhau được hơn hai năm. Chúng tôi chỉ tổ chức đám cưới và về sống chung với nhau chứ chưa đăng ký kết hôn ở xã. Xin hỏi, theo Luật hôn nhân và gia đình, việc không đăng ký kết hôn như vậy có vi phạm pháp luật không?**

**Trả lời:**

Điều 9Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

a. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định của pháp luật thì không có giá trị pháp lý.

b. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn.

Việc vợ chồng bạn có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình và việc kết hôn của bạn trong trường hợp này không có giá trị pháp lý theo quy định.

**5. Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong Luật hôn nhân và gia đình?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình cấm các hành vi sau đây:

- Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo;

- Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;

- Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;

- Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;

- Yêu sách của cải trong kết hôn;

- Cưỡng ép ly hôn, lừa dối ly hôn, cản trở ly hôn;

- Thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại, lựa chọn giới tính thai nhi, sinh sản vô tính;

- Bạo lực gia đình;

- Lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc có hành vi khác nhằm mục đích trục lợi.

Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp kịp thời ngăn chặn và xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

**6. Chị X lấy anh H được một năm nhưng chưa có con chung. Do bị cha mẹ cưỡng ép kết hôn nên chị X sống với anh H không có hạnh phúc. Anh chị thường xuyên có mâu thuẫn với nhau và không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến chị X nhiều lần bị căng thẳng và muốn hủy hôn. Chị X muốn hỏi, trường hợp của chị có thể tự mình yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn của mình không? Pháp luật quy định những cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật?**

**Trả lời:**

Theo Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật được quy định như sau:

1. Người bị cưỡng ép kết hôn, bị lừa dối kết hôn, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cá nhân, tổ chức khác yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình: “*Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định*”

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình:

- Vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác; cha, mẹ, con, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác của người kết hôn trái pháp luật;

- Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình;

- Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em;

- Hội liên hiệp phụ nữ.

3. Cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khi phát hiện việc kết hôn trái pháp luật thì có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp phụ nữ) yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Do chị X bị cha mẹ cưỡng ép kết hôn nên theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, chị X có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Hội liên hiệp phụ nữ ở địa phương yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.

**7. Chị D và anh S đều ở quê ra thành phố đi học, đi làm rồi quen biết nhau. Họ sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Đến nay, họ không còn muốn sống chung với nhau nữa. Xin hỏi, trong trường hợp này, anh S và chị D có phải làm thủ tục ly hôn không? Pháp luật quy định như thế nào về vấn đề này?**

**Trả lời**

Điều 14  Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn như sau:

### - Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình về trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

### - Trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nhưng sau đó thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Như vậy, trường hợp của chị D và anh S không bắt buộc phải làm thủ tục ly hôn theo quy định. Trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và **tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.**  Khi Tòa án tuyên bố họ không phải là vợ chồng  thì  tài sản chung sẽ được giải quyết theo Điều 16 luật hôn nhân và gia đình.

**8. Nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ chồng được quy định như thế nào trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2014?**

**Trả lời:**

Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định 03 nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ chồng, cụ thể như sau:

- Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập.

- Vợ, chồng có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

- Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng mà xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, chồng, gia đình và của người khác thì phải bồi thường.

**9. Anh P và chị G kết hôn với nhau đã được 5 năm. Hai anh chị đã có với nhau 2 con, một trai, một gái. Do cuộc sống khó khăn, con cái lại đến tuổi ăn học nên chị G phải tần tảo làm mọi công việc để kiếm sống, còn anh P thì làm nghề chạy xe để kiếm thêm đồng ra đồng vào. Gần đây, anh P bỏ bê công việc, không chịu làm ăn. Nhiều lần anh P mâu thuẫn, to tiếng với vợ con, có lần anh còn đánh cả vợ khiến chị G uất ức và muốn ly hôn. Xin hỏi, hành vi của anh P có vi phạm pháp luật không? Pháp luật quy định như thế nào về tình nghĩa vợ chồng trong quan hệ gia đình?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 8 Luật phòng chống bạo lực gia đình nghiêm cấm: “ *Các hành vi bạo lực gia đình sau: Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng; Lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm…”.* Do đó hành vi đánh vợ của anh P là vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. Theo Khoản 1, Điều 49Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy chữa cháy, phòng chống bạo lực gia đình quy định, thì hành vi của anh P có thể bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình.

### - Về tình nghĩa vợ chồng, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định tại khoản 1 Điều 19 như sau: *“ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.*

**10. Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới trong những trường hợp sau đây:

 a) Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện giữa vợ chồng trong các trường hợp sau:

- Trường hợp xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch mà theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan phải có sự đồng ý của cả hai vợ chồng;

- Trường hợp vợ chồng kinh doanh chung;

- Trường hợp đại diện giữa vợ và chồng trong việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch liên quan đến tài sản chung có giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng tài sản chỉ ghi tên vợ hoặc chồng;

b) Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ chung đối với tài sản của vợ chồng sau đây:

- Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

- Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

- Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;

- Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;

- Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường;

- Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.

### 11. Chồng chị T thường xuyên uống rượu say và đánh đập vợ con. Chị T không muốn tiếp tục cuộc sống chịu đựng như vậy nữa. Chị muốn ly hôn nhưng chồng chị không đồng ý. Xin hỏi, nếu chị T tự mình yêu cầu ly hôn thì Tòa án có giải quyết không?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy, chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn mà không cần có sự đồng ý của chồng chị.

Hơn nữa, theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

**12. Tài sản chung của vợ chồng và quyền,nghĩa vụ trong việc sở hữu, sử dụng tài sản chung đó được Luật hôn nhân và gia đình quy định như thế nào?**

**Trả lời**

Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định tài sản chung của vợ chồng:

1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng.

2. Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng.

3. Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung.

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình vợ chồng quy định có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;

4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;

5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường;

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.

 Như vậy, trong thời kỳ hôn nhân, những giao dịch phát sinh do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập hoặc các giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình… thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung.

### 13. Vợ chồng tôi lấy nhau đã được hai năm nay. Tuy nhiên, trong đời sống hằng ngày, vợ chồng tôi thường xuyên mâu thuẫn, xích mích thậm chí nhiều khi xúc phạm lẫn nhau. Cả hai chúng tôi đều đồng ý yêu cầu ly hôn. Xin hỏi, trong trường hợp này Tòa án sẽ giải quyết như thế nào?

**Trả lời:**

Theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, trong trường hợp vợ chồng bạn cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của người vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu vợ chồng bạn không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của người vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn.

### 14. Theo quy định của pháp luật, khi vợ chồng yêu cầu ly hôn thì có bắt buộc phải tiến hành hòa giải ở cơ sở không?

**Trả lời:**

### Theo quy định tại Điều 52 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Nhà nước và xã hội khuyến khích việc hòa giải ở cơ sở khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn. Việc hòa giải được thực hiện theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

### Do đó, việc hòa giải ở cơ sở chỉ khuyết khích thực hiện mà không bắt buộc phải thực hiện khi vợ chồng có yêu cầu ly hôn.

**15. Anh X là công dân nước ngoài sang Việt Nam làm việc. Trong khoảng thời gian sinh sống và làm việc tại Việt Nam, anh X đã yêu và muốn kết hôn với chị Y mang quốc tịch Việt Nam. Anh X muốn hỏi, pháp luật Việt Nam quy định như thế nào về việc kết hôn có yếu tố nước ngoài?**

**Trả lời:**

Vì anh X là công dân nước ngoài nên việc anh kết hôn với chị Y là người Việt Nam được xác định là kết hôn có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, theo đó:

Việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, mỗi bên phải tuân theo pháp luật của nước mình về điều kiện kết hôn, do đó anh X cần tuân thủ pháp luật nước mình là công dân về điều kiện kết hôn và chị Y phải tuân thủ pháp luật của Việt Nam về điều kiện kết hôn.

Ngoài ra, nếu anh X tiến hành kết hôn với chị Y tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thì anh X phải tuân theo pháp luật của nước anh là công dân, đồng thời, anh cũng phải tuân theo pháp luật Việt Nam về điều kiện kết hôn, cụ thể gồm các điều kiện sau:

- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

- Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;

- Không bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp kết hôn giả tạo; tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ; kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.